

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2022/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 02 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông
đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính
phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng
02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao
thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính
phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ
công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính
phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông
đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và
bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24
tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên
đường giao thông nông thôn;*

Căn cứ Thông tư số 31/2014/TT-BGTVT ngày 08 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn đấu thầu, đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích quản lý, bảo trì công trình đường bộ sử dụng quỹ bảo trì đường bộ trung ương;

Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 38/2017/TT-BGTVT ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2014/TT-BGTVT ngày 08 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn đấu thầu, đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích quản lý, bảo trì công trình đường bộ sử dụng quỹ bảo trì đường bộ trung ương;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần đường, tuần kiểm để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông

vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải (tại Tờ trình số 118/TTr-SGTVT ngày 05/11/2021 và các Báo cáo: Số 25/BC-SGTVT ngày 28/01/2022, số 38/BC-SGTVT ngày 15/02/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2022; thay thế Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ

tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ

QUY ĐỊNH

**Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông
đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:07/2022/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là UBND tỉnh); Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Những nội dung không được đề cập tại Quy định này, được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Phú Yên; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

2. Cơ quan quản lý đường bộ, đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý đường bộ và cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Phân cấp quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng hệ thống đường bộ địa phương

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Giao thông vận tải quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường khác do UBND tỉnh giao quản lý.

3. UBND cấp huyện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường huyện, đường đô thị và các tuyến đường khác do UBND tỉnh giao quản lý; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn quản lý.

4. UBND cấp xã quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối các tuyến đường xã và các tuyến đường khác do UBND cấp huyện giao quản lý;

phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn quản lý.

5. Đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý đường chuyên dùng chịu trách nhiệm quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định.

Chương II **BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ**

Điều 4. Bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông hệ thống đường bộ địa phương

Bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông hệ thống đường bộ địa phương; Quy trình bảo trì, vận hành khai thác công trình đường bộ thực hiện theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ và Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

Điều 5. Phê duyệt quy trình bảo trì hệ thống đường bộ địa phương

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình đường bộ, Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì.

2. Đối với các công trình đã đưa vào khai thác, thẩm quyền phê duyệt như sau:

a) Sở Giao thông vận tải phê duyệt quy trình bảo trì công trình đối với hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác được phân cấp quản lý;

b) UBND cấp huyện phê duyệt quy trình bảo trì công trình đối với hệ thống đường đô thị, đường huyện và các tuyến đường khác được phân cấp quản lý;

c) UBND cấp xã phê duyệt quy trình bảo trì công trình đối với hệ thống đường xã và các tuyến đường khác được phân cấp quản lý.

3. Đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý đường chuyên dùng: Phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường chuyên dùng được giao quản lý.

4. Thẩm quyền phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy trình bảo trì đường bộ thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này. Việc điều chỉnh quy trình bảo trì công trình đường bộ theo Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ và Thông tư số

41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

Điều 6. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Cơ quan quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh theo phân cấp quản lý tại Điều 3 của Quy định này lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ; Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ được lập theo khoản 1, Điều 17 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ và Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

2. Các công việc trong kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

a) Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ bao gồm các công việc theo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ và quy trình bảo trì; thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ;

b) Sửa chữa định kỳ công trình đường bộ;

c) Sửa chữa đột xuất: Xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông hoặc các nguyên nhân, bất thường khác, giải phóng mặt bằng (nếu có) để đảm bảo an toàn giao thông; sửa chữa khẩn cấp phục vụ công tác quốc phòng an ninh kể cả khu vực nằm trên các tuyến đường địa phương;

d) Các nội dung công việc khác: Sửa chữa, kiểm định thiết bị; kiểm tra quan trắc, kiểm định chất lượng công trình đường bộ; lập quy trình và định mức, đơn giá công tác quản lý, khai thác, bảo trì các công trình đường bộ; sửa chữa phương tiện, thiết bị phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo trì đường bộ; thuê phương tiện, thiết bị phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo trì đường bộ; sửa chữa nhà hạt quản lý công trình đường bộ; hoạt động thanh tra giao thông, kiểm tra kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; ứng dụng công nghệ phục vụ quản lý, bảo trì công trình đường bộ; hoạt động trông coi, bảo quản công trình đường bộ trong một số trường hợp đặc thù; dự phòng cho công tác khẩn cấp để đảm bảo an toàn giao thông.

3. Lựa chọn công việc ưu tiên để bố trí vốn thực hiện trên các tuyến đường bộ.

Công việc ưu tiên gồm: Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ, khối lượng các dự án chuyển tiếp từ năm trước sang năm sau; sự cố công trình; sửa

chữa, bổ sung các công trình đảm bảo an toàn giao thông, xử lý điểm đen tai nạn giao thông; sửa chữa cầu yếu, cầu hẹp; sửa chữa các tuyến đường hư hỏng mất an toàn giao thông; sửa chữa, xây rãnh thoát nước dọc, cống ngang các tuyến đường thường xuyên ngập nước gây hư hỏng mặt đường; sửa chữa định kỳ lớp mặt đường của các tuyến đường đã khai thác quá thời hạn thiết kế để khôi phục các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chuẩn thiết kế; kiểm định đánh giá khả năng chịu lực của các công trình cầu; xây dựng định mức và đơn giá về quản lý, bảo trì; xây dựng quy trình bảo trì và các công việc cần thiết khác.

4. Lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

Hằng năm, căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về các tuyến đường, công trình đường bộ, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, công việc ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều này, Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình lập, trình cơ quan có thẩm quyền nhu cầu quản lý, bảo trì cho năm sau của hệ thống đường địa phương sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã chấp thuận nhu cầu quản lý, bảo trì cho năm sau:

a) Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác được UBND tỉnh phân cấp quản lý;

b) Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý Đô thị lập kế hoạch bảo trì đối với công trình đường bộ trên hệ thống đường đô thị, đường huyện và các tuyến đường khác được phân cấp quản lý;

c) UBND cấp xã lập kế hoạch bảo trì đối với công trình đường bộ thuộc hệ thống đường xã và các tuyến đường khác được phân cấp quản lý.

5. Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

a) UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do Sở Giao thông vận tải được phân cấp quản lý;

b) UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường đô thị, đường huyện và các tuyến đường được phân cấp quản lý trên cơ sở đề xuất của Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý Đô thị;

c) UBND cấp xã phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường xã và các tuyến đường khác được phân cấp quản lý.

6. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ theo khoản 5 Điều này.

Điều 7. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Căn cứ kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hằng năm được phê duyệt, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì, quy trình bảo trì công trình được duyệt, Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, đơn vị được phân cấp, ủy quyền hoặc đơn vị được giao là người trực tiếp quản lý công trình đường bộ tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

2. Sửa chữa công trình đường bộ (bao gồm: Sửa chữa định kỳ công trình đường bộ và sửa chữa đột xuất công trình đường bộ) thực hiện theo quy định phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý. Việc sửa chữa đột xuất do bão, lũ, lụt thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về phòng, chống, khắc phục hậu quả bão, lũ, lụt trong lĩnh vực đường bộ.

3. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo trì: Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ có trách nhiệm kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch bảo trì được giao bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn trong kế hoạch bảo trì theo đúng quy định của pháp luật.

4. Tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 8. Quản lý, khai thác công trình giao thông đường bộ

1. Việc quản lý, khai thác công trình đường bộ thực hiện theo Điều 12, 13, 14, 15 và khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 16 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

2. Việc phân loại sự cố công trình, báo cáo về sự cố công trình, giải quyết sự cố công trình đường bộ, giám định nguyên nhân sự cố và hồ sơ sự cố thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Khi có sự cố công trình trên hệ thống đường địa phương, ngoài việc thực hiện báo cáo sự cố công trình theo quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình đường bộ, nhà thầu bảo trì đường bộ phải báo cáo ngay cùng lúc cho Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi có sự cố công trình xảy ra.

4. Chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình, nhà thầu bảo trì công trình đường bộ và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm khắc phục sự cố, thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo quy định.

Điều 9. Nguồn vốn quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Đối với đường tỉnh và các tuyến đường khác thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Phú Yên được bố trí từ nguồn ngân sách của tỉnh, nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho công tác bảo trì đường bộ và nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Đối với các tuyến đường huyện, đường xã, đường đô thị và các tuyến đường khác thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện, UBND cấp xã được bố trí từ nguồn vốn của ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã và huy động các nguồn lực của địa phương, nguồn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho công tác bảo trì đường bộ và nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Đối với đường chuyên dùng do chủ công trình chịu trách nhiệm bố trí kinh phí.

4. Quản lý, sử dụng kinh phí quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III
SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ
KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 10. Sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Việc sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ được thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP; khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Chương III Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và khoản 1, khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 tháng 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông.

Các công trình thiết yếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận

tải và điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải không thể bố trí ngoài phạm vi đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ thì khi xây dựng phải đảm bảo các nguyên tắc tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và cấp giấy phép. Trường hợp công trình thiết yếu xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền có ý kiến chấp thuận. Công trình thiết yếu không được ảnh hưởng đến công tác bảo trì, kết cấu và công năng của công trình đường bộ, đảm bảo an toàn cho giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã và các công trình khác ở xung quanh.

Đối với các tuyến đường tỉnh qua khu đô thị, khu dân cư có vỉa hè thì UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý, sử dụng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và bảo trì vỉa hè; có biện pháp phòng chống, xử lý lấn chiếm hè phố, lòng đường, bảo đảm an toàn giao thông.

2. Việc khai thác tài sản hạ tầng đường bộ và khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển đường bộ được thực hiện theo quy định tại mục 4 Chương II Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

3. Việc vận hành khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản và thực hiện theo trình tự, thủ tục đã được UBND tỉnh công bố và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Đầu nối của hệ thống đường bộ địa phương

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh gồm:

a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị và các loại đường giao thông nông thôn;

b) Đường chuyên dùng gồm: Đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp, đường cụm công nghiệp;

c) Đường gom, đường nối từ đường gom;

d) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, đường nối trực tiếp từ các công trình đơn lẻ.

2. Đường nhánh đầu nối vào đường huyện, đường xã gồm:

a) Đường trục thôn, xóm; đường ngõ, xóm, hẻm phố và các điểm dân cư; và các loại đường giao thông nông thôn khác;

b) Đường chuyên dùng gồm: Đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp, đường cụm công nghiệp;

c) Đường gom, đường nối từ đường gom;

d) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, đường nối trực tiếp từ các công trình đơn lẻ.

3. Vị trí các điểm đầu nối vào đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan.

4. Thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào hệ thống đường địa phương phải tuân thủ theo Quy chuẩn xây dựng và phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

5. Chủ đầu tư dự án, công trình được giao sử dụng điểm đầu nối phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để xem xét, chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao và cấp phép thi công xây dựng nút giao theo trình tự, thủ tục hiện hành. Chỉ được thi công sau khi đã được cơ quan quản lý đường bộ cấp giấy phép thi công và có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo quy định.

6. Trường hợp cần thiết, có thể xem xét cho phép đầu nối tạm có thời hạn không quá 24 tháng để phục vụ thi công dự án, công trình. Chủ đầu tư của dự án, công trình phải liên hệ cơ quan quản lý đường bộ để được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao tạm thời. Chỉ được thi công sau khi đã được cơ quan quản lý đường bộ cấp giấy phép thi công và có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo quy định.

Điều 12. Giải quyết thủ tục hành chính trong phạm vi đất bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương

Cơ quan quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng hệ thống đường bộ địa phương áp dụng theo trình tự, thủ tục được quy định theo bộ thủ tục hành chính do Bộ Giao thông vận tải công bố hoặc thực hiện theo bộ thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh Phú Yên công bố.

Chương IV BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 13. Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP; Chương II Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và khoản 1, khoản 2 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 14. Xử lý vi phạm quy định về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Đối với các tuyến đường tỉnh:

a) Nhân viên tuần đường thuộc Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ sau khi phát hiện vi phạm, báo cáo kịp thời cho Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ và trong vòng 24 giờ kể từ khi nhân viên tuần đường phát hiện, Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ có trách nhiệm báo cáo cho Thanh tra Sở Giao thông vận tải và UBND cấp xã để lập biên bản vi phạm hành chính và tiến hành xử lý vi phạm theo thẩm quyền;

b) Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc chấp hành biên bản vi phạm hành chính và quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nếu tổ chức, cá nhân vi phạm chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tự giác khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra thì Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ hoàn thiện hồ sơ bàn giao cho UBND cấp xã theo dõi, quản lý;

c) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền không thực hiện tổ chức cưỡng chế giải tỏa vi phạm thì Thanh tra Sở Giao thông vận tải có văn bản báo cáo Sở Giao thông vận tải để báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc không thực hiện xử lý giải tỏa vi phạm.

2. Đối với đường huyện, đường xã, đường đô thị:

UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức lực lượng thường xuyên kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời vi phạm quy định về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường theo phân cấp quản lý.

3. Đối với các tuyến đường khác được UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền quản lý đường bộ thì đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý đường bộ phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã để xử lý các vi phạm theo phạm vi quản lý của địa phương.

4. Thẩm quyền và quy trình xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hiện hành.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm các sở, ban, ngành của tỉnh

1. Sở Giao thông vận tải:

a) Thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với hệ thống đường bộ địa phương; tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này;

b) Định kỳ tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ do địa phương quản lý gửi về UBND tỉnh và Tổng cục Đường bộ Việt Nam theo quy định;

c) Thực hiện quyền, trách nhiệm khác đối với công tác quản lý và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương được giao quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan;

d) Tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí quản lý, bảo trì công trình đường bộ hằng năm gửi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí dự toán kinh phí để thực hiện.

2. Sở Tài chính:

a) Hằng năm, trên cơ sở đề nghị của Sở Giao thông vận tải, căn cứ nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí dự toán kinh phí để thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành;

b) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức được giao quản lý theo phân cấp trong việc sử dụng kinh phí quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường địa phương theo quy định hiện hành của Nhà nước nhằm phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

3. Sở Xây dựng: Hướng dẫn lập, quản lý và thực hiện quy hoạch xây dựng đảm bảo quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đảm bảo về hành lang an toàn đường bộ, đường gom, đầu nối theo quy định; phối hợp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ, đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý đường bộ và cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật. Trong quá trình quản lý sử dụng đất phải xem xét bố trí phạm vi đất dành cho lối thoát nước ra sông, suối, ao hồ, kênh mương dọc theo đường bộ phù hợp với địa hình thoát nước tự nhiên và hệ thống tiêu thoát nước.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có kết hợp với đường giao thông; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ để canh tác nông nghiệp bảo đảm an toàn công trình đường bộ.

6. Công an tỉnh: Chỉ đạo, hướng dẫn Công an các cấp kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ.

7. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ tổ chức bảo vệ công trình quốc phòng kết hợp với công trình đường bộ.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

9. Đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý đường chuyên dùng:

a) Thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với công trình đường chuyên dùng được giao quản lý; tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy định này;

b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ do địa phương quản lý gửi về UBND tỉnh và Sở Giao thông vận tải định kỳ 06 tháng và hằng năm trước ngày 08 tháng 01 của năm tiếp theo;

c) Thực hiện quyền, trách nhiệm khác đối với công tác quản lý và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương được giao quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã

1. UBND cấp huyện:

a) Thực hiện quản lý, khai thác và bảo trì các tuyến đường bộ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này;

b) Giải tỏa các công trình ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông đường bộ; ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ và hoạt động giao thông vận tải;

c) Tổ chức thực hiện cưỡng chế để giải tỏa vi phạm, lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ;

d) Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, thanh tra đường bộ xử lý theo thẩm quyền các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái với quy định trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ;

đ) Định kỳ tổng hợp báo cáo Sở Giao thông vận tải tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ do mình quản lý để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

2. UBND cấp xã:

a) Thực hiện quản lý, khai thác và bảo trì các tuyến đường bộ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này;

b) Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện trách nhiệm đối với việc quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn thuộc quyền sở hữu của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này;

c) Hằng năm thống kê, phân loại các loại đường giao thông nông thôn trên địa bàn; tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, danh sách các công trình trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn để báo cáo và kiến nghị UBND cấp huyện xử lý;

d) Phát hiện và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, thanh tra đường bộ xử lý kịp thời, theo thẩm quyền các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái với quy định trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ;

đ) Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới;

e) Phát hiện và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, thanh tra đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ và hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn mình quản lý (kiểm tra, lập biên bản và xử lý kịp thời các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ) hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý (khi vượt quá thẩm quyền).

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ đối với đường đang khai thác và Chủ đầu tư đối với đường đang triển khai dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

1. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý đường bộ và các cơ quan có thẩm quyền trong việc tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ do mình quản lý, bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt và đúng quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã xây dựng phương án cắm mốc giới hạn xác định hành lang an toàn đường bộ trình UBND tỉnh phê duyệt; chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã công bố công khai và tổ chức việc cắm mốc lộ giới trên thực địa, bàn giao cho UBND cấp xã quản lý, bảo vệ phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cắm mốc lộ giới.

3. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi lấn, chiếm và sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ. Khi phát hiện vi phạm phải yêu cầu đình chỉ hành vi vi phạm và thông báo ngay cho UBND cấp xã hoặc thanh tra đường bộ để xử lý theo thẩm quyền.

4. Phối hợp với thanh tra đường bộ và các cơ quan chức năng của chính quyền địa phương thực hiện giải tỏa công trình lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi đơn vị trực tiếp quản lý; đồng thời, định kỳ báo cáo cơ quan quản lý đường bộ cấp trên về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan khác

1. Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động trên đường bộ và hai bên đường bộ:

a) Chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng, khai thác và bảo vệ công trình đường bộ, đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ và các quy định khác có liên quan; chấp hành sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý đường bộ về việc sử dụng phạm vi đất dành cho đường bộ;

b) Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ hoặc UBND nơi gần nhất theo địa bàn quản lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Thanh tra đường bộ:

a) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý bảo dưỡng tuyến đường xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi trách nhiệm được giao;

b) Phối hợp với đơn vị bảo dưỡng đường bộ, UBND cấp xã hoàn thiện hồ sơ vi phạm hành lang an toàn đường bộ gửi UBND cấp huyện đề nghị cưỡng chế giải tỏa;

c) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý bảo dưỡng tuyến đường hoàn thiện hồ sơ vi phạm công trình đường bộ, lấn, chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ; xử lý theo thẩm quyền. Trường hợp hành vi vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, chuyển hồ sơ tới cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan bảo vệ pháp luật ở địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền; phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ trong việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 19. Triển khai tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, vận hành khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện Quy định này và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm triển khai thực hiện và hướng dẫn thi hành Quy định này đến các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung kịp thời./.